

Bản án số: 212/2019/DS-ST

Ngày: 05 - 6 - 2019

V/v “Tranh chấp về thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Liên Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2018/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 2/3C Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Vương Văn R, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 2/2 Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vương Văn N, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 70/2B, Khu 3, Phường L, thị xã T, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Ông Vương Quốc P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 210 Ngô Tùng C, khu phố M, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 2/18A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Vương Văn C, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 282 đường C, ấp A, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Phan Ngọc B, sinh năm 1949.

3.5. Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2018 và các bản khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn - ông Vương Văn Đ trình bày:

Ông nội ông tên Vương Văn B - sinh năm 1905, chết ngày 26/10/1943 âm lịch, bà nội là Huỳnh Thị Đ - sinh năm 1907, chết ngày 02/4/1999 âm lịch.

Ông ngoại tên Nguyễn Văn M - sinh năm 1895 chết ngày 23/8/1976, bà ngoại tên Trần Thị V - sinh năm 1903, chết ngày 23/5/1982.

Cha của ông là Vương Văn T, sinh ngày 13/3/1929, chết ngày 15/3/2016 mẹ ông là Nguyễn Thị S, sinh ngày 10/5/1931, chết ngày 29/11/2015. Ông T, bà S có 5 người con chung gồm:

- Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1949
- Ông Vương Văn N, sinh năm 1950
- Ông Vương Văn C, sinh năm 1950
- Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1952
- Ông Vương Văn R, sinh năm 1958

Quá trình chung sống ông T và bà S tạo lập được căn nhà và quyền sử dụng đất số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, khi ông T, bà S chết không để lại di chúc. Hiện nay căn nhà do ông Vương Văn R quản lý sử dụng, cho thuê và giữ giấy tờ nhà đất. Đã nhiều lần ông nói với ông R căn nhà này là tài sản của cha mẹ để lại, yêu cầu ông R phải chia đều cho các anh em, nhưng ông R không đồng ý.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, phân chia cho ông 1/5 giá trị căn nhà là tài sản của cha, mẹ để lại.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải của bị đơn - ông Vương Văn R trình bày:

Cha của ông là Vương Văn T, sinh ngày 13/3/1929, chết ngày 15/3/2016 mẹ ông là Nguyễn Thị S, sinh ngày 10/5/1931, chết ngày 29/11/2015. Ông T, bà S có 5 người con chung gồm:

- Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1949
- Ông Vương Văn N, sinh năm 1950
- Ông Vương Văn C, sinh năm 1950
- Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1952
- Ông Vương Văn R, sinh năm 1958

Ông xác nhận nhà, đất số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do cha, mẹ ông để lại. Nay ông Đ yêu cầu chia thừa kế, ông không đồng ý, vì trước đây cha, mẹ ông có nói với bà con, họ hàng là căn nhà này để sử dụng vào việc thờ cúng, không được bán.

Hiện nay căn nhà ông đang cho bà Phan Ngọc B thuê, bà B và con trai là Nguyễn Việt T đang sinh sống trong nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Vương Thị Đ trình bày: Bà xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ và ông R trình bày, nay bà yêu cầu được chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Vương Văn N trình bày: Ông xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ và ông R trình bày, nay ông yêu cầu chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Vương Văn C trình bày: Ông xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ và ông R trình bày, nay ông Đ yêu cầu yêu cầu chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông không đồng ý, do khi cha, mẹ còn sống có nói là sẽ cho ông căn nhà này, nay ông muốn để lại căn nhà cho ông R làm nơi thờ cúng.

Trường hợp phải chia tài sản này thì phải chia một phần cho cha, mẹ và ông bà nội. Phần chia cho cha, mẹ và ông bà nội sẽ giao cho ông R quản lý sử dụng vào việc thờ cúng.

Bà Phan Thị Ngọc B trình bày: Bà thuê nhà số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Vương Văn T, hai bên không ký hợp đồng thuê nhà, tiền nhà bà trả theo khả năng của mình, không có sổ tiền cụ thể. Đối với việc kiện tranh chấp thừa kế bà không có ý kiến, bà chỉ là người ở thuê. Hiện bà cùng con trai tên Nguyễn Việt T đang ở căn nhà này.

Ông Nguyễn Việt T được Tòa án triệu tập lên để lấy lời khai, hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay.

Ông Vương Văn R cung cấp cho Tòa án bản photo giấy xác nhận duy ngôn ngày 03/5/2019, do ông R ký tên có ghi ý kiến của những người hàng xóm gồm: ông Hồ Hữu Í, ông Lê Tuấn K, bà Nguyễn Thị Mai A, bà Trần Thị V, bà Cấn Thị T, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị S, bà Phan Ngọc B, ông Lê Hùng S và ông Lê Bá T về việc có chứng kiến ông T có nói với mọi người là căn nhà 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ông T xây để dùng vào việc thờ cúng.

Ông Vương Văn Đ trình bày:

Ông nội ông tên Vương Văn B - sinh năm 1905, chết ngày 26/10/1943 âm lịch, bà nội là Huỳnh Thị Đ - sinh năm 1907, chết ngày 02/4/1999 âm lịch.

Ông ngoại tên Nguyễn Văn M - sinh năm 1895 chết ngày 23/8/1976, bà ngoại tên Trần Thị V - sinh năm 1903, chết ngày 23/5/1982

Cha của ông là Vương Văn T, sinh ngày 13/3/1929, chết ngày 15/3/2016 mẹ ông là Nguyễn Thị S, sinh ngày 10/5/1931, chết ngày 29/11/2015. Ông T, bà S có 5 người con chung gồm:

- Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1949
- Ông Vương Văn N, sinh năm 1950
- Ông Vương Văn C, sinh năm 1950

- Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1952
- Ông Vương Văn R, sinh năm 1958

Quá trình chung sống ông T và bà S tạo lập được căn nhà và quyền sử dụng đất số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2016, khi ông T, bà S chết không để lại di chúc. Nay ông vẫn giữ yêu cầu phân chia cho ông 1/5 giá trị tài sản của cha, mẹ để lại.

Ông đề nghị Tòa án phát mại căn nhà 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để chia.

Tiền chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ ông tự nguyện chịu

Ông Vương Văn R trình bày:

Ông xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ trình bày, nay ông yêu Đ cầu chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông không đồng ý, vì trước đây cha, mẹ ông có nói với bà con, họ hàng là căn nhà này để sử dụng vào việc thờ cúng, không được bán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Vương Thị Đ trình bày: Bà xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ và ông R trình bày, nay bà yêu cầu chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Vương Quốc P là đại diện ủy quyền của ông Vương Văn N trình bày: Ông xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ và ông R trình bày, nay ông yêu cầu Tòa án chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông N.

Ông Vương Văn C trình bày: Ông xác xác nhận lời trình bày về quan hệ nhân thân và tài sản như ông Đ và ông R trình bày, nay ông Đ yêu cầu yêu cầu chia 1/5 giá trị tài sản của cha mẹ để lại là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông không đồng ý, do khi cha, mẹ còn sống có nói là sẽ cho ông căn nhà này, nay ông muốn để lại căn nhà cho ông R làm nơi thờ cúng cha, mẹ.

Ông Nguyễn Việt T trình bày: Ông không có ý kiến.

Bà Phan Ngọc B có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn đồng thời của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận một phần yêu cầu của các đương sự. Chia cho ông Đ, ông N, bà Đ, ông C mỗi người 1/6 giá trị căn nhà, ông R 2/6 giá trị căn nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà, đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26; tài sản tranh chấp là bất động sản tại quận Tân Bình nên theo điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Phan Ngọc B có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bích.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”, ông Vương Văn T chết ngày 15/3/2016, bà Nguyễn Thị S chết ngày 29/11/2015. Ngày 22/6/2018 ông Vương Văn Đ khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của ông T và bà S là nhà 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu của ông Vương Văn Đ yêu cầu chia thừa kế của ông T, bà S là nhà và đất tại số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án xét thấy:

Căn cứ vào lời thừa nhận của ông Đ, ông R, ông N, bà Đ và ông C thì gia đình ông, bà có:

Ông nội tên Vương Văn B - sinh năm 1905, chết ngày 26/10/1943 âm lịch, bà nội là Huỳnh Thị Đ - sinh năm 1907, chết ngày 02/4/1999 âm lịch.

Ông ngoại tên Nguyễn Văn M - sinh năm 1895 chết ngày 23/8/1976, bà ngoại tên Trần Thị V - sinh năm 1903, chết ngày 23/5/1982

Cha là Vương Văn T, sinh ngày 13/3/1929, chết ngày 15/3/2016 mẹ là Nguyễn Thị S, sinh ngày 10/5/1931, chết ngày 29/11/2015. Ông T, bà S có 05 người con chung gồm:

- Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1949
- Ông Vương Văn N, sinh năm 1950
- Ông Vương Văn C, sinh năm 1950
- Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1952
- Ông Vương Văn R, sinh năm 1958

Quá trình chung sống ông T và bà S tạo lập được căn nhà và quyền sử dụng đất số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đơn xác nhận ngày 10/4/2019 của Ban quản lý nghĩa trang Cự Lạc Thái Bình, đơn xác nhận ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xác nhận theo nội dung đơn: “Xác nhận

ông Nguyễn Văn và bà Trần Thị V đã mất và an táng tại nghĩa trang Cự Lạc Thái Bình”, đơn xác nhận ngày 18/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “Tại đồng mả họ tộc thuộc ấp Mỹ Khánh A, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi có mộ ông Vương Văn B và bà Huỳnh Thị Đ được chôn cất tại đây là đúng” và các ảnh bia mộ của ông B, bà Đ, ông M và bà V.

Căn cứ bản sao giấy chứng tử số 591/TLKT-BS ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân Phường T, quận B thể hiện ông Vương Văn T chết ngày 15/3/2016 và bản sao giấy chứng tử số 590/TLKT-BS ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình thể hiện bà Nguyễn Thị S chết ngày 29/11/2015.

Theo công văn số 955/CNTB ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số H00578/26974 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 02/10/2006 đối với căn nhà số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Vương Văn T và bà Nguyễn Thị S làm chủ sở hữu mà Ủy ban quận Tân Bình cung cấp cho Tòa án.

Theo bản photo đơn xác nhận duy ngôn của ông R lập ngày 03/5/2019 do ông R ký tên có ý kiến của hàng xóm là ông Hồ Hữu Í, ông Lê Tuấn K, bà Nguyễn Thị Mai A, bà Trần Thị V, bà Cấn Thị T, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị S, bà Phan Ngọc B, ông Lê Hùng S và ông Lê Bá T về việc có chứng kiến ông T có nói với mọi người là căn nhà 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ông T xây để dùng vào việc thờ cúng. Tòa án xét thấy, tại khoản 5 Điều 630 Bộ luật dân sự quy định: *“Di chúc miệng được coi là hợp pháp nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau khi người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng, người làm chứng người ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải có công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng thực xác nhận chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm chứng”*. Xét, di ngôn của ông R lập không thể hiện đó là ý chí cuối cùng của ông T, không được công chứng viên hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực chữ ký của những người làm chứng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ông T thể hiện ý chí cuối cùng. Do đó, di ngôn của ông R không có cơ sở để xem xét.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Tòa án xác định ông B, bà Đ, ông M và bà Việt đã chết. Căn nhà 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông T và bà S. Khi ông T, bà S chết không để lại di chúc. Do đó, di sản thừa kế sẽ được chia theo quy định của pháp luật như yêu cầu của các đương sự là có căn cứ.

Những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông T, bà S gồm:

Ông Vương Văn B, bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị V, ông Vương Văn Đ, ông Vương Văn N, ông Văn C, bà Vương Thị Đ và ông Vương Văn R. Nhưng ông B, bà Đ, ông M và bà V đã chết, nên những người thực tế được hưởng di sản của ông T và bà S là ông Đ, bà Đ, ông N, ông C và ông R.

Như vậy, phần di sản thừa kế sẽ được chia đều cho 05 người. Tuy nhiên, xét ông R là người trực tiếp quản lý, trông coi, sửa chữa tài sản khi cha, mẹ chết, nên

cần xem xét công sức đóng góp của ông R đối với di sản thừa kế. Do đó, ông R được chia thêm một phần thừa kế theo pháp luật. Phần di sản của ông T và bà S sẽ được chia làm 06 phần bằng nhau ông Đ, ông N, bà Đ, ông C, mỗi người được hưởng 1/6 giá trị căn nhà, ông R được hưởng 2/6 giá trị căn nhà.

Từ những chứng cứ và nhận định trên, Tòa án xét thấy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đ, ông N, bà Đ là yêu cầu được chia 1/5 giá trị căn nhà.

Do ông Đ đề nghị Tòa án phát mãi tài sản để chia, các đương sự không thống nhất được người sẽ sở hữu tài sản khi chia. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự, nhà và đất số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được bán để chia.

Chí phí định giá là 3.000.000đ do ông Vương Văn Đ tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí.

Cụ thể: Theo biên bản định giá ngày 29/11/2018 của Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản là 6.058.635.340 (sáu tỷ không trăm năm mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi đồng) 1/6 giá trị tài sản của ông Thời và bà Sính là 1.009.772.556đ, nên một suất thừa kế có giá trị thành tiền là 1.009.772.556đ. Án phí ông Đ, ông N, bà Đ, ông C mỗi người phải chịu án phí là 42.293.176đ. Ông R được hưởng 02 suất thừa kế là 2.019.545đ. Án phí ông R phải chịu là 72.390.902đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 630, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định nhà đất số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông T và bà S. Di sản được chia cho các thừa kế là ông Vương Văn Đ, ông Vương Văn R, ông Vương Văn N, bà Vương Thị Đ và ông Vương Văn.

2. Ông Vương Văn Đ, ông Vương Văn N, bà Vương Thị Đ, ông Vương Văn C, mỗi người được hưởng một suất thừa kế là 1/6 trị giá nhà đất tại số 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Vương Văn R được hưởng 2/6 giá trị nhà đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại nhà đất 2/3A Bình G, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi khấu trừ chi phí phát mại và các chi phí khác (nếu có) số tiền còn lại các ông Vương Văn Đ, ông Vương Văn N, bà Vương Thị Đ, ông Vương Văn C mỗi người được nhận 1/6; ông Vương Văn R nhận 2/6 giá trị tài sản.

Chi phí định giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng) do ông Đ tự nguyện chịu và đã nộp đủ

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vương Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 42.293.176đ (bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do ông Điệp đã nộp là 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0008547 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông Đ còn phải nộp 32.293.176đ (ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ông Vương Văn N, bà Vương Thị Đ, ông Vương Văn C, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.293.176đ (bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng).

Ông Vương Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.390.902đ (bảy mươi hai triệu ba trăm chín mươi ngàn chín trăm lẻ hai đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang

